

Số: /BC-SNN

Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Giải trình và tiếp thu ý kiến tham gia của các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố vào dự thảo Quyết định ban hành Khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Thực hiện văn bản số 2362/UBND-KT ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thực hiện dự án xây dựng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí Dự án điều tra, xây dựng và ban hành khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành thực hiện các hạng mục của dự án.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức xin ý kiến (lần 1) tham gia góp ý bằng văn bản của các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố vào báo cáo kết quả dự án điều tra xây dựng và ban hành khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (*Văn bản số 1255/SNN-KL ngày 30/7/2020*). Sau khi tiếp thu các ý kiến tham gia, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện dự thảo. Ngày 10/9/2020 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức Hội thảo khoa học cấp tỉnh để xin ý kiến tham gia góp ý của các chuyên gia, nhà quản lý và các chủ rừng, gồm: Chuyên gia của Tổng cục Lâm nghiệp, Viện Điều tra quy hoạch rừng, Trường Đại học Lâm nghiệp, Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam, Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang, lãnh đạo và cơ quan chuyên môn thuộc UBND các huyện, thành phố; các chủ rừng lớn trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở các ý kiến tham gia tại hội thảo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo.

Ngày 23/10/2020 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản số 1763/SNN-KL về việc lấy ý kiến tham gia, góp ý vào dự thảo Tờ trình, Quyết định ban hành quy định khung giá rừng và giá cho thuê môi trường rừng trên địa bàn tỉnh (lần 2). Đến hết ngày 12/11/2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được tổng số 09 ý kiến tham gia góp ý của các sở và UBND các huyện, thành phố. Trong đó: 04 ý kiến đồng ý hoàn toàn với nội dung dự thảo Tờ trình và Quyết định (*UBND các huyện: Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế và TP Bắc Giang*); 05 ý kiến đề nghị xem xét chỉnh sửa (*Sở Tài chính, Sở Tư Pháp, UBND các huyện: Sơn Động, Việt Yên và Yên Dũng*). Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo giải trình và tiếp thu các ý kiến tham gia góp ý của các đơn vị, cụ thể như sau:

## **1. Ý kiến tham gia của UBND huyện Sơn Động**

Đề nghị xem lại bảng 04: Khung giá rừng trồng đặc dụng tại xã An Lạc, đối với loài cây Keo lai cấp tuổi 2 có giá cao hơn cấp tuổi 6; tại thị trấn Tây Yên Tử đối với loài cây Keo lai cấp tuổi 3 cao hơn cấp tuổi 4.

Sau khi xem xét, kiểm tra lại quá trình tổng hợp số liệu báo cáo tại bảng 04 cho thấy có sự nhầm lẫn, sai sót. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin tiếp thu, chỉnh sửa số liệu tại bảng 04. Khung giá rừng trồng đặc dụng tại xã An Lạc, đối với loài cây Keo lai cấp tuổi 2 và cấp tuổi 6; tại thị trấn Tây Yên Tử đối với loài cây Keo lai cấp tuổi 3 và cấp tuổi 4.

## **2. Ý kiến tham gia của UBND huyện Việt Yên**

Trong dự thảo Tờ trình, Quyết định ghi sai tên xã của huyện Việt Yên là xã Tiên Sơn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin tiếp thu, chỉnh sửa lại thành xã Tiên Sơn theo đúng như đề nghị của UBND huyện Việt Yên.

## **3. Ý kiến tham gia của UBND huyện Yên Dũng**

- Trên cùng một xã, thị trấn nhưng cấp tuổi nhỏ hơn lại có khung giá cao hơn cấp tuổi lớn hơn; cùng một loài cây, cấp tuổi nhưng khung giá ở các xã lại chênh lệch nhau và khung giá rừng có giá cao hơn giá bán cây đứng thực tế trên thị trường tại địa bàn huyện.

Qua kiểm tra quá trình tổng hợp số liệu báo cáo tại Mục e bảng 05 Khung giá rừng trồng phòng hộ tại các xã Tiên Phong, Yên Lư và Thị trấn Nham Biền có sự nhầm lẫn, sai sót. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin tiếp thu, chỉnh sửa số liệu tại Mục e bảng 05: Khung giá rừng trồng đối với rừng phòng hộ, cụ thể:

Sửa số liệu tại xã Tiên Phong với loài cây Keo lai ở cấp tuổi 3, tuổi 4 và tuổi 6, Keo+Thông ở cấp tuổi 3 và tuổi 4; thị trấn Nham Biền với loài cây Bạch đàn ở cấp tuổi 2 và tuổi 4, loài cây Keo+ Thông ở cấp tuổi 3 và tuổi 4; tại xã Yên Lư với loài cây Keo lai cấp tuổi 4 và tuổi 8, Keo+Bạch đàn cấp tuổi 4 và tuổi 8.

## **4. Ý kiến tham gia Sở Tư pháp**

### **4.1. Đối với dự thảo Quyết định**

- Phần căn cứ ban hành: Thiếu văn bản là căn cứ ban hành – có nội dung điều chỉnh trực tiếp nội dung dự thảo văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật Giá năm 2012.

- Phần nơi nhận: (i) trùng thành phần nhận; (ii) quy định chưa đầy đủ; chưa chính xác; thành phần nhận theo quy định tại khoản khoản 1 Điều 86, khoản 1 Điều 121 Nghị định số 34/2015/NĐ-CP.

Với 02 nội dung trên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung căn cứ pháp lý có liên quan gồm: Luật ban hành văn bản quy

phạm pháp luật năm 2015 và Luật Giá năm 2012; đồng thời chỉnh sửa, bổ sung nội dung phần nơi nhận theo đúng quy định.

#### **4.2 Đối với dự thảo Quy định**

- Điều 1 xác định phạm vi điều chỉnh gồm khung giá các loại rừng và giá cho thuê môi trường rừng. Tuy nhiên, điểm a khoản 6 Điều 14 và điểm a khoản 6 Điều 23 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định "... giá cho thuê môi trường rừng do các bên tự thỏa thuận nhưng không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê môi trường rừng ...". Đồng thời, qua rà soát các văn bản trong phần căn cứ ban hành tại dự thảo Quyết định cho thấy, không có điều, khoản nào giao UBND tỉnh có thẩm quyền này. Do đó, đề nghị nghiên cứu, làm rõ cơ sở pháp lý của việc xác định UBND tỉnh có thẩm quyền quy định giá cho thuê môi trường rừng, từ đó xác định chính xác phạm vi điều chỉnh để đảm bảo tính hợp pháp của nội dung trong dự thảo văn bản trình UBND tỉnh. Ngoài ra, nội dung phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 chưa đảm bảo bao quát nội dung dự thảo, còn thiếu quy định về trách nhiệm của các cơ quan, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin tiếp thu, không đưa nội dung giá thuê môi trường rừng vào dự thảo quy định, đồng thời bổ sung nội dung quy định về trách nhiệm của các cơ quan địa phương, tổ chức cá nhân có liên quan như ý kiến tham gia của Sở Tư pháp.

- Điều 3 quy định khung giá rừng theo hướng quy định cụ thể đối với từng địa bàn và từng loại cây. Đề nghị lưu ý phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính để xác định khung giá rừng đảm bảo chính xác theo công thức tính đã được quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT; đồng thời nghiên cứu xây dựng theo hướng quy định khung giá rừng theo loại, vị trí rừng để đảm bảo tính quy phạm trong văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh.

Đối với nội dung 1, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xin ý kiến và Sở Tài chính đã thống nhất tại văn bản số 2519/STC-QLGCS ngày 09/11/2020;

Đối với nội dung thứ 2, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin giải trình như sau: Việc xây dựng, sắp xếp bảng khung giá rừng theo loại rừng (rừng tự nhiên là rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất; rừng trồng là rừng đặc dụng, phòng hộ); địa danh cụ thể đến cấp xã đảm bảo thuận tiện cho việc tra cứu, sử dụng bảng khung giá rừng; được các nhà khoa học về chuyên môn đồng tình chấp nhận. Do vậy, đề nghị được giữ nguyên bảng sắp xếp đơn giá như dự thảo.

- Điều 5: Nội dung của điều quy định lại nội dung khoản 2 Điều 13 Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT - chưa phù hợp với khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Nội dung này nếu cần thiết, đề nghị nghiên cứu theo hướng quy định trách nhiệm theo dõi biến động khung giá rừng và trách nhiệm tham mưu sửa đổi phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Với nội dung này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin tiếp thu bỏ Điều 5 vì đã quy định tại Điều 6 của dự thảo Quyết định này.

- Điều 6: (i) tại đoạn thứ nhất khoản 5 quy định UBND cấp huyện có trách nhiệm “chỉ đạo Phòng chức năng ...” là chưa phù hợp với quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP; theo đó quy định “cơ quan chuyên môn” thuộc UBND cấp huyện; (ii) tại đoạn thứ hai khoản 5 quy định UBND cấp huyện có trách nhiệm “... quyết định giá cho thuê rừng”; tuy nhiên, điểm c khoản 1 Điều 12 Thông tư 32/2018/TT-BTC quy định “Giá cho thuê rừng được xác định thông qua đấu giá cho thuê rừng theo quy định của pháp luật về đấu giá”. Do đó đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý của quy định này; (iii) tại đoạn thứ năm khoản này quy định trách nhiệm báo cáo định kỳ, hàng năm của UBND cấp huyện; tuy nhiên chưa quy định cụ thể thời gian báo cáo

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin tiếp thu, chỉnh sửa nội dung trên, cụ thể:

Sửa nội dung tại đoạn thứ nhất khoản 5 quy định UBND cấp huyện có trách nhiệm “chỉ đạo Phòng chức năng ...” thành “Cơ quan chuyên môn” đúng với quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP; bỏ đoạn thứ hai khoản 5 quy định UBND cấp huyện vì đã bỏ nội dung giá cho thuê môi trường rừng; sửa nội dung quy định trách nhiệm báo cáo của UBND cấp huyện từ báo cáo định kỳ, hàng năm sang thành báo cáo khi có biến động tăng hoặc giảm trên 20% so với giá quy định hiện hành liên tục trong thời gian sáu (06) tháng trở lên trên địa bàn quản lý.

### **4.3 Về thể thức, kỹ thuật trình bày**

Một số nội dung dự thảo văn bản chưa đảm bảo tính chính xác, phù hợp với Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: (i) trình bày số thứ tự dự thảo chưa phù hợp với Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; (ii) trình bày chủ thể ban hành văn bản và kết thúc văn bản tại căn cứ thứ 4; cách trình bày ngày, tháng, năm ban hành văn bản tại các căn cứ thứ 1, 3, 4 chưa phù hợp với Điều 4, khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Mẫu số 19 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; (iii) việc trình bày tiêu đề các khoản và bố cục một số nội dung thuộc các khoản tại Điều 6 và trình bày phong chữ một số đoạn tại khoản 4 Điều 6 chưa phù hợp với khoản 2, khoản 4, điểm d khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Ngoài ra, việc bố cục nội dung dự thảo Quy định thành 04 Chương, 7 Điều là chưa hợp lý.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin tiếp thu, chỉnh sửa, cụ thể:

Trình bày số thứ tự dự thảo phù hợp với Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; trình bày lại chủ thể ban hành văn bản và kết thúc văn bản tại căn cứ thứ 4 cho phù hợp; trình bày lại ngày, tháng, năm ban hành văn bản tại các căn cứ thứ 1, 3, 4 phù hợp với Điều 4, khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Mẫu số 19 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; trình bày lại tiêu đề các khoản và bố cục một số nội dung thuộc các khoản tại Điều 6 và sửa lại phong chữ một số đoạn tại khoản 4 Điều 6 phù hợp với khoản 2, khoản 4, điểm d khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; bố cục lại dự thảo Quyết định từ Quyết định kèm theo quy định (*mẫu số 19 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*) sang thành Quyết định quy định trực tiếp (*mẫu số 18 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*) và bố cục lại nội dung của Quyết định gồm 08 Điều.

## **5. Ý kiến tham gia của Sở Tài Chính**

### **5.1. Đối với dự thảo Tờ trình**

- Mục đích xây dựng khung giá các loại rừng: Đề nghị làm rõ thêm mục đích trong việc ban hành Quy định khung giá các loại rừng; Trong đó nên bỏ mục đích để thực hiện công tác bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; tính tiền bồi thường thiệt hại do vi phạm pháp luật. Lý do: Theo quy định của pháp luật về đất đai khi nhà nước thu hồi đất và theo quy định 1 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật tố tụng dân sự thì quy định giá bồi thường là mức giá cụ thể tại thời điểm thu hồi đất hoặc xác định giá tại thời xảy ra vi phạm pháp luật - Không thể áp dụng giá theo quy định của UBND tỉnh cho các thời điểm của nhiều năm.

Nội dung đề nghị bỏ mục đích để thực hiện công tác bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thấy mục đích xây dựng khung giá rừng là tính tiền bồi thường thiệt hại về rừng chứ không tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất như ý kiến tham gia của Sở Tài chính.

Nội dung đề nghị bỏ mục đích để tính tiền bồi thường thiệt hại do vi phạm pháp luật. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải trình như sau: Việc xây dựng khung giá rừng với mục đích để tính tiền bồi thường thiệt hại do vi phạm pháp luật được quy định cụ thể tại Khoản 3 Điều 91 Luật Lâm nghiệp năm 2017. Do vậy, giữ nguyên nội dung này.

- Nguyên tắc xây dựng giá

+ Khách quan, trung thực, kịp thời và có hiệu quả nhất;

+ Giá các loại rừng phù hợp với giá cả thị trường, đảm bảo đúng khu vực đặc điểm, chất lượng tiêu chuẩn ... của rừng.

Nội dung này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin tiếp thu, bổ sung vào Tờ trình.

- Phương pháp xây dựng giá Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT thuyết minh và giải trình, làm rõ thêm về phương pháp xây dựng giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, cụ thể là:

+ Đối với rừng tự nhiên là rừng đặc dụng và rừng phòng hộ thì sử dụng phương pháp so sánh, trong đó có các biên bản và phiếu khảo sát giá tại địa bàn, các khu vực xây dựng giá;

+ Đối với rừng trồng thì phải sử dụng phương pháp chi phí (căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc công bố) từ đó xây dựng nên giá thành sản phẩm rừng; đồng thời kết hợp với phương pháp so sánh để đưa giá mức giá rừng cho phù hợp với tình hình giá cả thực tế tại địa phương.

Đối với nội dung này, thực tế khi tiến hành thực hiện các bước theo trình tự, thủ tục xây dựng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo đơn vị tư vấn phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các phương pháp như ý kiến tham gia của Sở

Tài chính. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin tiếp thu, bổ sung vào dự thảo Tờ trình.

## **5.2. Đối với dự thảo Quyết định của UBND tỉnh**

- Đề nghị bổ sung Điều chuyển tiếp Đối với rừng đã có quyết định của UBND tỉnh cho thuê môi trường rừng có mức giá chênh lệch ngoài khung giá rừng ban hành thì cách xử lý, giải quyết như thế nào cho đảm bảo đúng với quy định.

Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin giải trình như sau: Theo văn bản số 1083/STP-XD&KTrVB ngày 07/11/2020 của Sở Tư pháp về việc tham gia góp ý kiến dự thảo Quyết định ban hành Quy định khung giá rừng và giá cho thuê môi trường rừng trên địa bàn tỉnh, trong đó nội dung: “*cho thuê môi trường rừng*” không đủ căn cứ pháp lý ban hành giá cho thuê môi trường rừng. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tiếp thu và cắt bỏ điều này. Vì vậy, không ban hành quy định chuyển tiếp.

- Tại khoản 2, Điều 6 của dự thảo “2. Trách nhiệm của Sở Tài chính”: Đề nghị sửa đổi, bổ sung tại khổ văn thứ hai như sau “Chủ trì phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định hồ sơ phương án giá rừng theo văn bản đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT khi có biến động giá rừng”. Lý do: Theo Văn bản chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 2362/UBND-KT ngày 05/7/2019, Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan chủ trì xây dựng khung giá các loại rừng; mặt khác Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành về rừng, do vậy phải là đơn vị chủ trì xây dựng giá và điều chỉnh giá rừng theo quy định.

Nội dung này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến tham gia của Sở Tài chính.

Trên đây là báo cáo kết quả tổng hợp, tiếp thu và giải trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với ý kiến tham gia góp ý của Sở Tài chính, Sở Tư pháp và UBND các huyện, thành phố vào dự thảo Tờ trình, Quyết định ban hành quy định khung giá rừng và giá cho thuê môi trường rừng trên địa bàn tỉnh ./.

### ***Nơi nhận:***

- TT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư Pháp, Tài chính;
- GD, các PGD Sở;
- UBND các huyện: Sơn Động, Yên Dũng và Việt Yên;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT, KL.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Bá Thành**